

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tơ và ông Phan Quang Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn P**, sinh năm: 1970 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Láng Lớn, Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ, Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Xuân T**, sinh năm: 1968 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn 4, Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày: Ông và bà Lê Thị Xuân T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1990 tại UBND xã Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ, Đồng Nai. Năm 2006, ông và bà Thu mua đất tại Tân Phúc, Hàm Tân, Bình Thuận để làm ăn sinh sống. Một thời gian, bà Thu theo người đàn ông khác. Đến năm 2012, bà T bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì. Ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân tuyên bố bà Lê Thị Xuân T mất tích. Tình cảm của ông đối với bà T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 04 con chung là Trần Thị Ngọc Quyên, sinh năm: 1991, Trần Nhật Quyền, sinh năm: 1993; Trần Thị Ngọc Quỳnh, sinh năm: 1998 và Trần Nhật Quang, sinh ngày 10/6/2001. Cháu Quyên, cháu Quyền, cháu Quỳnh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Trần Nhật Quang ông có nguyện vọng nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông P được ly hôn với bà T. Về con chung: Giao cháu Quang cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Văn P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Xuân Thu. Bà T có đăng ký hộ khẩu tại thôn 4, Tân Phúc, Hàm Tân, Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Ông Trần Văn P và bà Lê Thị Xuân T có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ, Đồng Nai nên hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà T bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 08/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân có Quyết định số 03/2018/QĐVDS-ST tuyên bố bà T mất tích. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông P được ly hôn với bà T.

[2.2] Con chung: Ông P và bà T có 04 con chung là Trần Thị Ngọc Quyên, sinh năm: 1991, Trần Nhật Quyền, sinh năm: 1993; Trần Thị Ngọc Quỳnh, sinh năm: 1998 và Trần Nhật Quang, sinh ngày 10/6/2001. Cháu Quyên, cháu Quyền và cháu Quỳnh đã thành niên. Riêng Trần Nhật Quang chưa thành niên đang sinh sống cùng với ông Phúc và có nguyện vọng được sống với ông Phúc. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Quang cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, khoản 2 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn P được ly hôn với bà Lê Thị Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật Quang, sinh ngày: 10/6/2001 cho ông Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, bà T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Phúc đã nộp theo Biên lai số 0016771 ngày 18/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Ông P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- UBND xã Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ, Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương